

# CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỶ NẠI DA TẬP SỰ

## QUYỂN 12

### **10. Nhiếp tụng - Nhân duyên về Nan-đà (tiếp theo):**

Phật bảo Nan-đà:

Thai nhi vừa sanh ra rất khổ não, dù nam hay nữ đều được quán tả lại suốt ngày để ở chỗ mát, hoặc trong nôi, hoặc trong lòng mẹ đều cảm thấy khổ não. Ví như trâu bò bị lột da nếu ở gần tường thì bị trùng ở tường rúc cắn, gần cỏ cây thì bị trùng ở cỏ cây rúc cắn... Khi người dùng nước nóng tắm cho bé, bé cũng cảm thấy khổ não; ví như người bệnh hủi da lở lói, máu mũ tuôn ra lại bị đánh bằng gậy rất là đau đớn. Đứa bé mới sanh phải được uống sữa mẹ mới được lớn. Sữa mẹ trong Thánh pháp luật gọi là máu đục, đứa bé mới sanh có vô biên khổ não như vậy, không chút gì vui. Ai là người có trí lại ở trong biển khổ luyến Ái này mà sanh ra và chịu luân chuyển mãi không ngừng nghỉ.

Đứa bé sanh ra được bảy ngày thì có tám vạn hộ trùng rúc trong thân để ăn, có một loại hộ trùng tên là Ẩn tóc rúc nơi chân tóc để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Trương tạng và Thô đầu rúc ở trên đầu để ăn; có một loại hộ trùng tên là Nhiêu nhãn rúc ở trong mắt để ăn; có bốn loại hộ trùng tên là Khu trục, Bôn tẩu, Ốc trạch và Viên mãn rúc ở trong não để ăn; có một loại hộ trùng tên là Đạo diệp rúc ở trong tai để ăn; có một loại hộ trùng tên là Tàng khẩu rúc ở trong mũi để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Diêu trích và Biến trích rúc ở nơi môi để ăn; có một loại hộ trùng tên là Mật diệp rúc ở trong răng để ăn; có một loại hộ trùng tên là Mộc khẩu rúc nơi chân răng để ăn; có một loại hộ trùng tên là Châm khẩu rúc ở nơi lưỡi để ăn; có một loại hộ trùng tên là Lợi khẩu rúc ở dưới cuống lưỡi để ăn; có một loại hộ trùng tên là Thủ viên rúc ở trong răng để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Thủ cương và Ban khuất rúc nơi bàn tay để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Đoản huyền và Trường huyền

rúc nơi cổ tay để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Viễn tý và Cận tý rúc nơi cánh tay để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Dục thôn và Dĩ thôn rúc nơi yết hầu để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Hữu oán và Đại oán rúc nơi ngực để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Loa bối và Loa khẩu rúc ở trong thịt để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Hữu sắc và Hữu lực rúc ở trong máu để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Dũng kiện và Hương khẩu rúc ở trong gân để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Bất cao và Hạ khẩu rúc nơi xương sống để ăn; có hai loại hộ trùng đều tên Chỉ sắc rúc ở trong mỡ để ăn. Có loại trùng tên Hoàng sắc rúc ăn màu vàng; có loại hộ trùng tên là Trân châu rúc ở thận để ăn; có loại hộ trùng tên là Đại trân châu rúc nơi eo lưng để ăn; có loại hộ trùng tên là Vị chí rúc nơi bắp chân để ăn; có bốn loại hộ trùng tên là Thủy mạng, Đại thủy mạng, Châm khẩu và Dao khẩu rúc ở trong ruột để ăn; có năm loại hộ trùng tên là Nguyệt mãn, Nguyệt diện, Huy diệu, Huy diện và Biệt trú rúc bên hông phải để ăn; có năm loại hộ trùng tên như trên rúc bên hông phải để ăn; có bốn loại hộ trùng tên là Xuyên tiền, Xuyên hậu, Xuyên kiên và Xuyên trú rúc ở trong xương để ăn; có bốn loại hộ trùng tên là Đại bạch, Tiểu bạch, Trùng vân và Xú khí rúc ở trong mạch để ăn; có bốn loại hộ trùng tên là Sư tử, Bị lực, Cấp tiền và Liên hoa rúc trong sanh tạng để ăn; có hai loại hộ trùng tên là An chí và Cận chí rúc trong thực tạng để ăn; có bốn loại hộ trùng tên là Diêm khẩu, Uẩn khẩu, Vãng khẩu và Tước khẩu rúc nơi đường tiểu để ăn; có bốn loại hộ trùng tên là Ứng tác, Đại tác, Tiểu hình và Tiểu thúc rúc nơi đường đại tiện để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Hắc khẩu và Đại khẩu rúc nơi bắp đùi để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Lại và Tiểu lại rúc nơi đầu gối để ăn; có một hộ trùng tên Ngu căn rúc nơi bắp chân để ăn; có một hộ trùng tên là Hắc cảnh rúc nơi bàn chân để ăn. Nay Nan-đà, thân gọi là Sắc này thường có tám vạn hộ trùng rúc ăn như vậy nên thân thường bị nóng bức, mệt mỏi, đói khát; trong tâm lại còn khổ não ưu phiền... các bệnh hiện tiền mà không có lương y nào trị lành được. Nay Nan-đà, trong biển Hữu sanh tử có nhiều khổ não như vậy tại sao còn ưa thích luân chuyển trong ấy; lại nữa thân mạng còn bị các thần, các bệnh nắm giữ như thiên thần, thiên long bát bộ các quỷ thần... nắm giữ; hoặc bị các ách nạn do nhật nguyệt các sao... làm cho thân khổ não không thể nói hết.

Nay Nan-đà, ai lại ưa thích vào thai mẹ ở trong sanh tử chịu khổ não như thế, sanh thành như thế, trưởng thành như thế. Uống sữa mẹ vọng tưởng cho là ngon và các thức ăn uống khác để dần trưởng thành; cho dù được an lạc không bệnh, y thực vừa ý và thọ đến trăm tuổi thì

cũng đã ngủ gần nửa đời người. Đầu tiên là mới sanh, kế là đồng tử, đến khi trưởng thành lại bị ưu buồn và các bệnh bức bách, vô lượng khổ xúc não thân không thể nói hết ; đến khi không chịu nổi thì lại muốn chết, thân này vui ít khổ nhiều tuy tạm thời duy trì nhưng cuối cùng cũng sẽ hoại diệt. Nay Nan-đà, có sanh thì phải chết không có trường tồn, cho dù được thức ăn và thuốc thang để kéo dài mạng sống trong nhiều năm, cuối cùng cũng không thoát khỏi thân chết giết hại và đưa ra bỏ nơi đồng trống. Vì vậy thân này không nên tham đắm, nên chuyên cần tích tụ tư lương cho đời sau, không nên phóng dật, siêng tu phạm hạnh chớ có lười biếng. Thường ưa thích tu lợi hạnh, pháp hạnh, công đức hạnh và thuần thiện hạnh; thường tự quán sát hai nghiệp thiện ác, giữ gìn tâm ý chớ để sau này hối hận. Những gì ưa thích đã có đều phải xa lìa, tùy nghiệp thiện ác dẫn đến thọ sanh đời sau. Nay Nan-đà, đời sống trăm năm có mười giai đoạn:

Một là mới sanh nằm trong tả lót,  
 Hai là đồng tử thích đùa giỡn với các trẻ em,  
 Ba là thiếu niên biết cảm thọ dục lạc,  
 Bốn là thiếu tráng với sức lực sung mãn,  
 Năm là thịnh niên có trí thích đàm luận,  
 Sáu là đã trưởng thành khéo biết suy nghĩ tính toán,  
 Bảy là suy dần, khéo biết pháp thức,  
 Tám là già yếu suy nhược,  
 Chín là quá già yếu không làm được gì nữa,  
 Mười là trăm tuổi chờ chết.

Nay Nan-đà, đại khái có mười giai đoạn như vậy, nếu tính bốn tháng làm một mùa thì một trăm năm có ba trăm mùa; mỗi mùa xuân hạ đông đều có một trăm lần. Một năm có mười hai tháng thì trong một trăm năm tổng cộng là một ngàn hai trăm tháng ; nếu tính nửa tháng thì tổng cộng có hai ngàn bốn trăm nửa tháng. Trong ba thời đều có tám trăm lần nửa tháng, tổng cộng là ba vạn sáu ngàn ngày đêm. Mỗi ngày ăn hai lần, tổng cộng có bảy vạn hai ngàn lần ăn, dù có lúc không ăn vẫn tính chung trong số này. Lý do không ăn gồm có sân hận hoặc ngủ nghỉ hoặc giữ trai giới, vui chơi hay bận việc đều không ăn. Ta đã nói số lượng năm tháng ngày đêm và ăn uống của một đời người trong trăm năm rồi, thầy nên khởi tâm nhàm lìa.

Nay Nan-đà, từ khi sanh ra cho đến khi trưởng thành, thân có nhiều bệnh hoặc ở đầu, ở mắt, tai, mũi, lưỡi, răng, yết hầu, ngực, bụng, tay chân; hoặc bệnh ghẻ, bệnh hủi, điên cuồng, phù thũng, ho hen, phong

vàng, bình nhiệt, đàm ẩm, sốt rét, đau nhức... Tóm lược có một trăm lẻ một bệnh về phong, một trăm lẻ một bệnh về vàng, một trăm lẻ một bệnh về đàm ẩm, một trăm lẻ một bệnh tổng hợp, tổng cộng là bốn trăm lẻ bốn bệnh có từ bên trong không một niệm ngừng nghỉ. Lại nữa thể của thân này là vô thường khổ không vô ngã thường gắn với pháp hư hoại tử vong, vì vậy không nên chấp đắm. Lại còn có các khổ não từ bên ngoài bức bách thân như đói khát, lạnh nóng, mưa tuyết, ruồi muỗi, gió bụi, độc trùng... vô lượng vô biên không thể nói hết. Hữu tình chấp đắm nên ở trong các khổ não này lấy dục khổ làm cội gốc, không những không biết lìa bỏ mà còn tìm cầu; đó là khổ về sanh, già, bệnh, chết, yêu thương mà phải xa lìa, oán ghét mà phải tụ hội, mong cầu mà không được và khổ về năm Thủ uẩn. Bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi cũng đều khổ, nếu thường đi mà không đứng nằm hay ngồi cũng khổ và cảm thấy khó chịu; nếu chỉ đứng không đi nằm hay ngồi... cũng vậy. Đây gọi là bỏ khổ cầu khổ, thấy đều là khổ sanh khổ diệt, các hành nhân duyên nối tiếp phát sanh. Như lai hiểu rõ nên nói pháp về sanh tử của hữu tình, các hành vô thường không phải là cứu cánh chân thật, là pháp biến hoại không nên chấp giữ, nên cầu biết đủ sanh tâm nhàm lìa, siêng cầu giải thoát. Nay Nan-đà, hữu tình trong cõi thiện có sanh xứ bất tịnh khổ não như vậy, huống chi là hữu tình trong các cõi ác như ngạ quỷ, bàng sanh, địa ngục thì khổ não càng không thể nói hết.

Lại nữa này Nan-đà, có bốn trường hợp nhập thai : một là chánh niệm trong cả ba thời nhập, trụ và xuất thai; hai là chỉ chánh niệm khi nhập và trụ nhưng không chánh niệm khi xuất thai; ba là chỉ chánh niệm khi nhập thai nhưng không chánh niệm khi trụ và xuất thai ; bốn là cả ba thời đều không chánh niệm.

Hạng người nào chánh niệm cả ba thời nhập, trụ và xuất thai?: Như một loại hữu tình phạm phu thích trì giới, thường tu thiện pháp, thích làm các thắng sự, làm việc phước, khéo phòng hộ, tư duy chân thật, không phóng dật, có đại trí huệ, lâm chung không hối tiếc thì liền thọ sanh ngay. Đó là các bậc như Dự lưu bảy lần thọ sanh, bậc Gia gia, bậc Nhất lai, Nhất gian. Những vị này nhờ tu thiện hạnh nên khi lâm chung tuy bị khổ bức bách chịu nhiều khổ não nhưng tâm không tán loạn, chánh niệm mà qua đời. Họ lại chánh niệm khi vào thai mẹ, biết rõ các pháp do nghiệp mà sanh, đều từ nhân duyên sanh khởi, thường ở chung với các bệnh. Nay Nan-đà, nên biết thân này là hầm chứa bất tịnh, bản chất vô thường, là vật ngu si đối dạt người mê. Thân này nhờ bộ xương làm cơ quan, gân mạch nối kết nhau thông đến các huyết,

mở thịt xương tủy ràng buộc nhau, lớp da mỏng bao phủ bên trên trên nên không thấy cái xấu xa của chúng. Trong thân bất tịnh này, tóc lông móng răng ở vị trí khác nhau, ta lại chấp cho là ngã ngã sở nên thường bị chúng lôi kéo không được tự tại. Thân này thường chảy mũi dãi, mồ hôi, nước vàng, đàm nóng hôi thối; thận, mật, gan, phổi, ruột già, ruột non, phần, nước tiểu rất gồm với các loài trùng sống ở bên trong. Lỗ trên lỗ dưới thường chảy chất dơ; sanh tạng, thực tạng được phủ bằng lớp da mỏng ; khi lên nhà xí thấy nên quán sát chúng. Khi nhai thức ăn, hàm răng cắn thức ăn, nước miếng thấm ướt rồi nuốt vào cổ họng xuống bụng; thân này do bộ xương khô được liên kết với nhau mà vọng tưởng cho là đẹp. Nay Nan-đà, thân này bắt đầu từ Yết-la-lam, Yết bộ đà, Bế thi, Kiện nam, Bát la xa khứ đều là vật ô uế bất tịnh mà được sinh trưởng; từ khi sanh ra cho đến già chết bị trói buộc trong luân hồi như trong hầm tối đen, trong giếng hôi thối, thường được nuôi dưỡng bằng thức ăn với các vị mạn nhạt đắng cay chua. Lại nữa thai nhi nằm trong bụng mẹ chịu khổ nóng như nằm trong nồi bất tịnh ; khi mẹ đi đứng nằm ngồi, thai nhi như bị năm chỗ trói, như bị lửa châm không thể chịu nổi. Thai nhi tuy ở trong hầm nóng chịu khổ não như vậy, nhưng do lợi căn nên tâm không tán loạn. Lại có một loại hữu tình bạc phước nằm ngang hay ngược trong bụng mẹ, do nghiệp lực nhân duyên đời trước hoặc do mẹ ăn các thức ăn lạnh nóng chua ngọt... không điều hòa, hoặc uống quá nhiều nước, hoặc hành dâm quá nhiều, hoặc nhiều tật bệnh, hoặc nhiều sầu não, hoặc bị té ngã hoặc bị đánh nên thân mẹ nóng sốt thì thai nhi cũng bị nóng sốt theo và khổ não vì nóng sốt. Thai nhi bị khổ nên chuyển động, do thân nằm ngang nên không thể ra ngoài; lúc đó có người nữ hiểu biết dùng dầu thoa vào tay rồi đưa tay vào trong sản môn nhẹ nhàng để thai nhi về vị trí ban đầu. Khi chạm vào tay người thai nhi cũng khổ não, ví như bé gái hay trai bị đứt da lại bị rắc tro lên rất là khổ não. Tuy thọ khổ não này nhưng do lợi căn nên thai nhi chánh niệm không tán loạn. Ở trong bụng mẹ chịu khổ, khi sắp sanh ra cũng khổ, do gió nghiệp nên tay của nó nắm lại, các chi co lại rất đau đớn; khi sắp ra ngoài thân thai nhi bị sưng tái xanh, như ung nhọt bị sưng không thể chạm vào; lại bị đói khát nóng bức làm khổ não. Do nhân duyên của gió nghiệp đẩy thai nhi ra ngoài, lại bị gió ngoài chạm vào nên thai nhi cảm thấy như bị xát tro vào vết thương rất khổ não. Tuy thọ khổ này nhưng do lợi căn bậc thượng nên thai nhi chánh niệm không tán loạn. Tất cả hữu tình trong ba thời nhập trụ và xuất thai đều khổ não như thế, ai là người trí lại ưa thích nhập thai?

Hạng người nào chánh niệm khi nhập trụ nhưng không chánh niệm khi xuất thai? Như một loại hữu tình phạm phu thích trì giới, thường tu thiện pháp, thích làm các thắng sự, làm việc phước, khéo phòng hộ, tư duy chân thật, không phóng dật, có đại trí huệ, lâm chung không hối tiếc thì liền thọ sanh ngay. Đó là các bậc như Dự lưu bảy lần thọ sanh, bậc Gia gia, bậc Nhất lai, Nhất gian. Những vị này nhờ tu thiện hạnh nên khi lâm chung tuy bị khổ bức bách chịu nhiều khổ não nhưng tâm không tán loạn, chánh niệm mà qua đời... như trên cho đến câu tuy chịu khổ não này nhưng do lợi căn bậc trung nên tuy nhập và trụ thai chánh niệm, xuất thai lại không chánh niệm. Ai là người trí lại ưa thích nhập thai?

Hạng người nào chánh niệm khi nhập thai nhưng không chánh niệm khi trụ và xuất thai? Có loại hữu tình phạm phu thích trì giới... như trên cho đến câu tuy chánh niệm khi nhập thai, nhưng vì là hạng lợi căn hạ nên khi nhập thai thì biết, nhưng khi trụ thai và xuất thai lại không biết. Ai là người trí lại ưa thích nhập thai?

Hạng người nào cả ba thời nhập trụ xuất thai đều không chánh niệm? Có loại hữu tình phạm phu ưa hủy tịnh giới, không tu tập pháp lành, thường làm việc ác, tâm không chân thật, thường phóng dật, không có trí huệ, tham lam bòn xẻn không thể huệ thí cho người, tâm thường mong cầu không có điều thuận, thấy và làm điên đảo nên khi lâm chung hối hận, các nghiệp bất thiện hiện tiền. Khi sắp chết bị thống khổ bức bách nên tâm ý rối loạn, vì khổ não nên không tự nhớ biết ta là ai, từ đâu đến đây và đang đi về đâu. Đó là hạng người không chánh niệm cả trong ba thời nhập trụ xuất thai.

Này Nan-đà, những hữu tình này sanh trong cõi người tuy chịu khổ não như vậy nhưng đó là thắng xứ, trong vô lượng trăm ngàn câu chi kiếp khó được làm thân người. Nếu sanh lên trời thường sợ bị khổ yêu thích mà phải xa lìa, nên khi sắp qua đời các vị thiên khác thường cầu cho người này được sanh vào thiện xứ ở thế gian. Thiện xứ ở thế gian chính là cõi trời người, vì thân người khó được, xa lìa các nạn xứ lại càng khó hơn. Nạn xứ chính là ba đường ác: một là địa ngục thường chịu khổ sở khốc liệt không như ý; hai là ngạ quỷ nhiều sân hận, tâm không nhu hòa, đối gạt hai nhau, tay dính đầy máu không có tâm từ, hình dáng xấu xí, ai thấy đều sợ hãi, cho dù gần với người cũng chịu nỗi khổ đói khát; ba là bàng sanh có vô lượng vô biên loài đều làm việc vô nghĩa, làm hạnh phi pháp, làm hạnh bất thiện không thuần chất, ăn nuốt lẫn nhau, mạnh hiếp yếu. Có loại bàng sanh từ khi sanh ra, lớn lên cho đến

khi chết đều sống trong chỗ tối tăm bất tịnh như giòi bọ; hoặc tạm thời thấy ánh sáng như ruồi muỗi, ong bướm ... Lại còn có vô lượng vô biên loài luôn sanh trưởng trong tối tăm chịu khổ ngu mê là do đời trước họ là kẻ ngu si, không nghe kinh pháp, buông lung thân khẩu ý, tham dᄡám ngủ dục lạc, làm các việc ác. Lại có vô lượng vô biên loài bàng sanh sanh ra và lớn lên trong nước như cá, ba ba ... là do đời trước thân khẩu ý làm việc ác ... như trên. Lại có vô lượng vô biên loài bàng sanh hễ nghe mùi phần tiểu liền chạy đến để kiếm ăn như ruồi, bọ hung, kên kên, chó ... là do đời trước tạo ác nghiệp nên nay chịu quả báo này. Lại có vô lượng vô biên loài bàng sanh thường lấy cỏ cây và chất bất tịnh làm thức ăn như voi, ngựa, bò ... là do đời trước tạo ác nghiệp nên nay chịu quả báo này. Lại nữa này Nan-đà, biển Hữu sanh tử đau khổ thay, lửa cháy hừng hực nóng bức, không một chúng sanh nào là không bị thiêu đốt, đều là do lửa ở mắt tai mũi lưỡi thân ý hừng thạnh vì tham cầu cảnh trước mắt là sắc thanh hương vị xúc pháp. Sao gọi là lửa hừng thạnh ? : đó là lửa tham sân si, lửa sanh lão bệnh tử, lửa ưu bi khổ não độc hại thường tự thiêu đốt nên không ai thoát khỏi cả. Này Nan-đà, người lười biếng chịu nhiều thống khổ bởi phiền não trói buộc, làm pháp bất thiện nên luân hồi không dứt, mãi mãi sanh tử. Người tinh tấn được an lạc, phát tâm dũng mãnh đoạn trừ phiền não, tu tập thiện pháp không lúc nào xa lìa việc thiện. Vì vậy thầy nên quán sát thân này, không bao lâu nữa da thịt gân xương ... sẽ tan rã, thầy nên nhất tâm chớ có biếng nhác, chưa chứng ngộ thì nên cầu chứng ngộ, thầy nên tu học như vậy. Này Nan-đà, ta không tranh luận với thế gian nhưng thế gian cố tranh luận với ta, vì sao, vì người biết pháp không tranh luận với người khác, vì đã lìa ngã ngã sở thì tranh luận với ai ; người không hiểu biết nên khởi vọng chấp. Ta đã chứng chánh giác nên nói như vậy, vì ta đã liễu tri tất cả pháp. Này Nan-đà, lời ta nói có sai khác không ?

Nan-đà đáp: “lời Thế tôn nói không có sai khác”, Phật nói: “lành thay Nan-đà, lời Như lai nói chắc chắn không sai vì lời Như lai nói là chân thật ngữ, là thật ngữ, là như ngữ, là lời không sai khác, lời không hư dối. Như lai muốn cho thế gian được an lạc mãi và được lợi ích thù thắng. Ta là bậc biết đạo, hiểu đạo, thuyết đạo, khai đạo, là bậc đại đạo sư, là Như lai, Bạc già phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn. Người đời không biết không tin nên thường nô lệ các căn, chỉ thấy trong bàn tay chứ không thấy được lợi lớn, việc dễ không tu lại thường làm việc khó. Nan-đà, hãy tạm gát cảnh giới trí huệ

này qua một bên, thầy hãy dùng mắt thật quán sát, nếu biết những gì đã thấy đều là hư vọng thì được giải thoát. Nan-đà, thầy chớ tin theo ta, chớ thuận theo ý muốn của ta, chớ y theo lời ta nói, chớ quán tưởng của ta, chớ theo kiến giải đã có của Sa môn, chớ vì cung kính Sa môn mà nói Sa môn Kiều-đáp-ma là đại sư của tôi. Thầy chỉ nên đối với pháp mà ta đã chứng đắc, ở một nơi tịch tĩnh để tư duy quán chiếu, thường tu tập và dụng tâm đối với pháp đã quán chiếu thì được thành tựu quán tưởng và trụ trong chánh niệm. Hãy tự mình làm hòn đảo cho mình, tự mình làm chỗ nương cho mình ; lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm chỗ nương, không có hòn đảo hay chỗ nương nào khác. Nay Nan-đà, nếu Bí-sô nào thường tư duy như vậy, tinh cần hệ niệm được chánh giải rồi thì đối với các sân não đã có trong thế gian sẽ được điều phục. Đó là tùy quán nội thân là khổ, nên biết quán ngoại thân và nội ngoại thân cũng như vậy. Kế đến quán pháp Tập, Diệt trong thân, nếu trụ được hai pháp quán thân này thì sẽ được chánh niệm; hoặc chỉ có trí, kiến, niệm, không trụ mà trụ thì đối với thế gian này biết rõ không nên chấp thủ. Kế đến quán nội thọ, ngoại thọ và nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm và nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp và nội ngoại pháp, tinh cần hệ niệm để được chánh giải. Nay Nan-đà, đó là Bí-sô tự mình làm hòn đảo cho mình, tự mình làm chỗ nương cho mình; lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm chỗ nương, không có hòn đảo hay chỗ nương nào khác.

Nay Nan-đà, có bậc trưởng phu tánh chất trực, lìa dối trá, vào sáng sớm đến gặp ta, ta tùy căn cơ dùng thiện pháp chỉ dạy thì vị ấy sẽ đến trình sớ đắc vào buổi chiều ; nếu được chỉ dạy vào buổi chiều, vị ấy sẽ đến trình sớ đắc vào sáng hôm sau. Nay Nan-đà, thiện pháp của ta đưa đến chứng ngộ ngay trong hiện tại, có thể trừ nhiệt não, khéo ứng thời cơ, dễ làm phương tiện, là pháp tự giác, khéo làm chỗ chở che. Nếu tự đến nghe ta thuyết pháp, thuận với tịch tịnh có thể chứng được Bồ-đề. Vì thế nếu thấy pháp có tự lợi, lợi tha và tự tha đều lợi thì thầy nên thường tu học; đối với pháp xuất gia nên cẩn thận hành trì chớ để thời giờ luống qua. Phải chứng được thắng quả vô vi an lạc, thọ người khác cúng dường y thực, ngọa cụ, thuốc thang... thì phải làm cho thí chủ được phước lợi lớn. Thầy nên tu học như vậy. Lại nữa này Nan-đà, chưa có một sắc nào đáng ưa thích mà sau đó không bị biến hoại là không có lý đó; không sanh ưu phiền cũng không có lý đó. Ý thầy nghĩ sao, sắc là thường hay vô thường?”, đáp là vô thường, Phật lại hỏi: “nếu sắc là vô thường thì đó là khổ hay không khổ?”, đáp là khổ, Phật lại hỏi: “nếu sắc là vô thường, khổ tức là biến hoại thì vị Thánh đệ tử đa văn có



chấp sắc là ngã, ngã có các sắc, sắc thuộc ngã và ngã ở trong sắc hay không?”, đáp là không. Phật lại hỏi: “Ý thầy nghĩ sao, thọ tướng hành thức là thường hay vô thường?”, đáp là vô thường, Phật lại hỏi: “nếu thọ tướng hành thức là vô thường thì đó là khổ hay không khổ?”, đáp là khổ, Phật lại hỏi: “nếu thọ tướng hành thức là vô thường, khổ tức là biến hoại thì vị Thánh đệ tử đa văn có chấp thọ... thức là ngã, ngã có thọ... thức, thọ... thức thuộc ngã và ngã ở trong thọ... thức hay không?”, đáp là không, Phật nói: “vì thế nên biết, các loại sắc quá khứ hay vị lai hay hiện tại hoặc ở trong, ở ngoài, hoặc thô hay tế, hoặc thù thắng hay hạ liệt, hoặc gần hay xa... đều không phải là ngã, ngã sở hữu, sắc không thuộc ngã và ngã không ở trong sắc. Thọ tướng hành thức cũng lại như vậy, thầy nên dùng chánh niệm, chánh huệ mà quán sát kỹ. Nếu quán sát được như vậy thì vị Thánh đệ tử đa văn sẽ nhàm lìa sắc thọ tướng hành thức; nếu đã nhàm lìa thì không còn đắm nhiễm, không còn đắm nhiễm thì được giải thoát; đã được giải thoát thì tự hiểu rõ sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau”. Sau khi nghe Phật thuyết pháp này xong, Nan-đà liền được xa lìa trần cấu, chứng pháp nhãn thanh tịnh. Năm trăm Bí-sô đối với các Hữu lậu cũng được tâm giải thoát. Phật nói kệ trùng tuyên lại nghĩa trên:

*“Nếu người tâm không định,  
Thì trí không thanh tịnh,  
Không thể đoạn các Lậu,  
Vậy thầy hãy siêng tu.  
Người thường tu diệu quán,  
Biết các Uẩn sanh diệt,  
Thì thanh tịnh viên mãn.  
Chư thiên đều vui mừng,  
Thân hữu cũng hoan hỉ.  
Qua lại thường mến nhau,  
Kẻ tham danh, lợi dưỡng,  
Nan-đà hãy tránh xa.  
Chớ thân cận tại gia,  
Đối với người xuất gia,  
Niệm khởi: biển sanh tử,  
Cùng tận bờ mé khổ.  
Ban đầu Yết-la-lam,  
Thối thành cái bọc thịt,  
Bọc thịt sanh Bế thi,*

Bế thi sanh Kiện nam,  
 Kiện nam chuyển biến dân,  
 Sanh ra đầu, bốn chi,  
 Các xương hợp thành thân,  
 Đều có từ nghiệp nhân,  
 Xương đầu có chín đốt,  
 Liên kết hai xương cằm.  
 Răng có ba mươi hai,  
 Các căn cũng như vậy.  
 Nhĩ căn và xương cổ,  
 Xương răng và sống mũi,  
 Ngực, ức và yết hầu,  
 Gồm có mười hai xương.  
 Hố mắt có bốn xương,  
 Xương vai cũng hai cặp.  
 Hai tay, các ngón tay,  
 Tổng cộng năm mươi xương.  
 Sau cổ có tám xương, Xương  
 sống ba mươi hai, Giúp  
 xương hông bên phải, Nối  
 nhau có mười ba,  
 Hông trái nối liền sanh,  
 Cũng có mười ba xương,  
 Các xương liên kết nhau,  
 Ba liên kết với ba,  
 Hai móc nối với hai.  
 Xương khác không nối nhau,  
 Là hai chân trái phải,  
 Tổng có năm mươi xương,  
 Thành ba trăm mười sáu,  
 Để chống giữ trong thân,  
 Đốt xương móc giữ nhau,  
 Hợp thành thân chúng sanh.  
 Bậc thật ngữ nói ra,  
 Bậc chánh giác hiểu biết,  
 Từ chân lên đến đầu,  
 Là uế tạp, không chắc,  
 Mong mạnh như nhà cỏ,

Chỉ nhờ xương chống giữ,  
 Máu thịt tô cùng khắp,  
 Do đây thành thân này.  
 Như người máy bằng gỗ,  
 Như hình tượng huyễn hóa,  
 Nên quán sát thân này,  
 Gân mạch quấn giữ nhau,  
 Da ướt bao bọc lại,  
 Chín chỗ có sang môn,  
 Khắp nơi thường tuôn chảy,  
 Các bất tịnh, phần tiểu.  
 Ví như kho, bồ lúa,  
 Đựng đầy lúa, ngũ cốc,  
 Thân này cũng như vậy,  
 Bên trong đầy tạp uế.  
 Cơ quan xương vận động,  
 Mong manh không chắc chắn,  
 Người ngu thường yêu thích,  
 Người trí không đắm nhiễm.  
 Dãi, mồ hôi thường chảy,  
 Máu mủ luôn tràn đầy,  
 Mỡ vàng lẫn nước sữa,  
 Não đầy trong đầu lâu,  
 Ngực, cách mô, đàm ẩm,  
 Sanh, thực tạng bên trong,  
 Cao mỡ và bì mô,  
 Ruột, bao tử, ngũ tạng,  
 Các bất tịnh ở chung,  
 Đều lầy nhầy như thế.  
 Thân tội này đáng sợ,  
 Đây chính là oan gia.  
 Người không hiểu tham dục,  
 Ngu si thường bảo hộ.  
 Thân xú uế như thế,  
 Như thành quách hôi thối,  
 Ngày đêm phiền não bức,  
 Dời đổi không tạm ngừng,  
 Thành là thân, xương (là) tường,

*Tô trát bằng máu thịt,  
Tham sân si vẽ màu,  
Tùy chỗ mà trang trí,  
Thành thân xương đáng nhàm,  
Máu thịt hợp liền nhau,  
Thường bị ác tri thức,  
Khổ trong ngoài nung nấu.  
Nan-đà, thầy nên biết,  
Lời ta đã khuyên nhắc,  
Hãy ghi nhớ ngày đêm,  
Chớ nghĩ đến cảnh dục,  
Nếu muốn xa lìa dục,  
Thường khởi quán như thế,  
Siêng cầu quả giải thoát,  
Ra khỏi biển sanh tử”.*

Thế tôn thuyết giảng kinh Nhập thai mẹ này xong, Nan-đà và năm trăm Bí-sô đều hoan hỉ tín thọ phụng hành. Lúc đó Nan-đà ra khỏi chỗ hiểm nạn trong sanh tử, được đến Niết-bàn cứu cánh an ổn, chứng quả A-la-hán liền hoan hỉ nói kệ:

*“ Tâm kính dâng vật tẩm,  
Nước sạch và hương thoa,  
Nhờ tu các nhân phước,  
Nên được thắng quả này”.*

Các Bí-sô nghe kệ này rồi đều khởi nghi nên thỉnh hỏi Phật: “Thế tôn, Bí-sô Nan-đà đời trước đã tạo nghiệp gì, nhờ nghiệp lực này nên nay được thân sắc vàng đủ ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm, chỉ thấp hơn Phật bốn ngón tay. Tuy rất luyến Ái cảnh dục nhưng lại được Đại sư thương xót độ thoát ra khỏi biển sanh tử, được đến Niết-bàn cứu cánh an ổn?”, Phật bảo các Bí-sô: “nghiệp mà Nan-đà đã làm đời trước nay được thành thực nên thọ quả báo này..., như bài kệ:

*“Dù trải qua trăm kiếp,  
Nghiệp đã tạo không mất,  
Khi nhân duyên hội hợp,  
Tự thọ lấy quả báo”.*

Quá khứ cách đây chín mươi mốt kiếp, lúc con người thọ đến tám vạn tuổi, có Phật Tỳ-bà-thi Phật đủ mười hiệu: Như lai, Bạc già phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn xuất

hiện trong thế gian. Phật cùng sáu vạn hai ngàn Bí-sô du hành trong nhân gian, đi đến kinh thành Thân tuệ, trụ trong rừng Thân tuệ. Lúc đó Phật thấy người em khác mẹ tham đắm cảnh dục nên khuyên xuất gia, làm phương tiện khiến vị ấy được ra khỏi biển sanh tử và đến được Niết-bàn cứu cánh an ổn. Vua nước này hiệu là Hữu thân dùng pháp trị nước nên đất nước phồn thịnh, nhân dân no ấm, trong nước không có nạn trộm cắp... vua cũng có người em khác mẹ tham đắm cảnh dục. Lúc đó vua nghe tin Phật và Tăng trụ trong rừng Thân tuệ nên cùng vương tử, đại thần... đến chỗ Phật đánh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho vua và mọi người được lợi hỉ và được thắng giải. Người em khác mẹ của vua không chịu đi nên con của đại thần và các thân hữu là người đã phải được bụi trần, đến nói rằng: “bạn biết không, vua và các vương tử đại thần... đến gặp Phật nghe pháp đều được thắng giải. Thân người khó được nay bạn đã được, vì sao vẫn tham đắm cảnh dục không chịu đến gặp Phật?”, vương đệ này nghe rồi cảm thấy xấu hổ nên miễn cưỡng đi với các bạn đến chỗ Phật. Bí-sô em của Phật sau khi hỏi rõ nguyên do liền nói: “ta là em của Phật, khi còn tại gia ta cũng tham đắm cảnh dục, nhờ Phật khuyên xuất gia và làm phương tiện khiến ta được đến Niết-bàn cứu cánh an ổn ; không ngờ nay cũng có kẻ ngu si giống như ta trước kia. Các vị từ bi dẫn dắt vị này đến gặp Phật là tốt”. Khi vương đệ cùng các bạn đến chỗ Phật, Phật quán căn cơ và tánh dục của vương đệ này mà thuyết pháp khiến sanh lòng tin sâu xa. Lúc đó vương đệ này rời khỏi chỗ ngồi, trích bày vai hữu chấp tay bạch Phật: “Thế tôn, cúi xin Thế tôn và các Thánh chúng thọ con thỉnh đến nhà con tắm nước nóng trong nhà ấm vào ngày mai”, Phật im lặng nhận lời, vương đệ biết Phật đã nhận lời liền đánh lễ Phật rồi ra về. Vương đệ sau khi trở về cung liền đến gặp vua cung kính tâu rằng: “Đại vương, thần đã đến gặp Phật nghe pháp và sanh lòng tin sâu xa nên nhàm lìa cảnh dục. Thần đã thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà tắm nước nóng trong nhà ấm, Phật đã nhận lời. Phật là bậc mà người trời nên cúng dường, xin Đại vương cho quét dọn đường xá và trang nghiêm thành quách”, vua nghe rồi suy nghĩ: “em ta tham đắm cảnh dục rất khó can ngăn mà Phật lại điều phục được, thật là hy hữu”, nghĩ rồi liền nói: “rất tốt, em hãy lo liệu mọi thứ trong nhà ấm, còn ta sẽ cho trang nghiêm thành quách”, vương đệ vui mừng lui trở về cung của mình. Lúc đó vua bảo đại thần: “khanh hãy thông báo cho dân biết sáng mai Phật sẽ vào thành, dân trong thành và những người từ xa đến hãy tùy sức của mình quét dọn đường xá và trang nghiêm thành quách để

nghe đón Đại sư”, đại thân tuân lệnh vua đi thông báo cho dân... như trên. Lúc đó vương đệ lo liệu đầy đủ nước thơm, dầu thơm, sắp đặt chỗ ngồi trong nhà ấm cho Phật và Tăng tắm; khi thấy thân Phật sắc vàng với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, vương đệ hoan hỉ khởi lòng tin sâu xa nên sau đó liền ở trước Phật phát nguyện: “nguyện nhờ nhân thiện này ở trong đời vị lai, con được thân sắc vàng kim như Phật hiện nay. Như em của Thế tôn tham đắm cảnh dục, nhờ Phật cứu thoát ra khỏi sanh tử, đến được Niết-bàn cứu cánh an ổn ; con nguyện đời vị lai được làm em của Phật, lại được thân sắc vàng kim, dù con có tham đắm cảnh dục vẫn được Phật cứu thoát con ra khỏi sông Ái nhiễm, đến được Niết-bàn cứu cánh an ổn”.

Này các Bí-sô, vương đệ của vua Thân tuệ thuở xưa chính là Nan-đà ngày nay. Do đời trước thỉnh Phật Tỳ-bà-thi tắm nước thơm trong nhà ấm rồi tịnh tâm phát nguyện, nhờ nhân thiện đó nên nay được làm em ta với thân sắc vàng kim, lại được ta cứu thoát ra khỏi sông Ái nhiễm, đến được Niết-bàn cứu cánh an ổn”. Lúc đó các Bí-sô vẫn còn nghi nên thỉnh hỏi Phật: “Thế tôn, Bí-sô Nan-đà đã từng tạo nghiệp gì mà nay lại có đủ ba mươi hai tướng của bậc đại trượng phu?”, Phật bảo các Bí-sô: “các thầy lắng nghe:

Quá khứ, trong một tụ lạc có một trưởng giả giàu có, thọ dụng đầy đủ ; ông có một khu vườn hoatrái sum suê... thích hợp cho người xuất gia nương ở. Vào thời đó không có Phật, chỉ có Phật Bích chi ra đời thường thương xót người nghèo khổ, thích ở nơi thanh tịnh là phước điền của thế gian. Vị này du hành đến tụ lạc này, thấy khu vườn của trưởng giả muốn dừng trụ; người giữ vườn thấy liền nói: “thiện lai Thánh giả, xin hãy dừng trụ ở đây”. Đêm đó, vị Độc giác nhập định Hỏa quang, người giữ vườn nhìn thấy rồi liền suy nghĩ: “vị Thánh giả này thành tựu thắng hạnh như vậy”, nghĩ rồi liền đến bạch với trưởng giả: “đại gia nên biết, vị Thánh giả đang ở trong vườn hoa đã thành tựu diệu hạnh thần thông, hào quang soi sáng khắp vườn”, trưởng giả nghe rồi vội đến trong vườn đánh lễ vị Độc giác bạch rằng: “Thánh giả cần thức ăn, con vì cầu phước, cúi xin Thánh giả trú trong vườn này cho con được cúng dường ẩm thực”, vị Độc giác thấy trưởng giả ân cần nên trụ trong vườn này thọ trưởng giả cúng dường. Sau khi được nhập thắng định và thọ giải thoát lạc, vị Độc giác suy nghĩ: “thân hôi hám chịu sanh tử luân hồi này của ta, nay việc nên làm ta đã làm xong, ta nên nhập Niết-bàn vô dư”, nghĩ rồi bay lên hư không nhập định Hỏa quang, hiện các thần biến : trên thân phóng lửa, dưới thân phun nước... rồi xả thân, nhập Niết-bàn

vô dư. Lúc đó trưởng giả dùng gỗ thơm hỏa thiêu nhục thân của vị Độc giác, dùng sữa đập tắt lửa, thu lấy xá lợi xây tháp cúng dường, lại dùng ba mươi hai loại nước thơm rưới lên tháp và phát nguyện cầu được các tướng tốt.

Này các Bí-sô, trưởng giả thuở xưa chính là Nan-đà ngày nay, do thuở xưa kính tín cúng dường tháp và phát nguyện nên nay được quả báo có ba mươi hai tướng tốt”. Lúc đó các Bí-sô vẫn còn nghi nên thỉnh hỏi Phật: “Thế tôn, Bí-sô Nan-đà đời trước đã tạo nghiệp gì mà nay nếu không bỏ tục xuất gia sẽ kế thừa ngôi vị Lực luân vương?”, Phật bảo các Bí-sô: “các thầy lắng nghe:

Quá khứ Hiền kiếp, lúc con người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca-diếp ba ra đời đầy đủ mười hiệu trụ trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhưn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư. Sau khi nhân duyên giáo hóa đã mãn, Phật ấy nhập Niết-bàn vô dư như củi hết lửa tắt. Lúc đó có vua tên là Ngật lật chỉ dùng các loại gỗ thơm như chiên đàn, trầm thủy... để hỏa thiêu nhục thân Phật ấy, dùng sữa rưới tắt rồi thu lấy xá lợi để trong bình vàng, cho xây bảo tháp rộng một du thiện na, cao nửa du thiện na để cúng dường xá lợi Phật ấy. Vua có ba người con: trưởng, thứ và út; lúc đó sau khi hấy an trí tướng luân rồi, người con thứ của vua dựng lọng cúng dường tháp Phật.

Này các Bí-sô, người con thứ của vua thuở xưa chính Nan-đà ngày nay, do trong quá khứ tâm tín kính dựng lọng cúng dường nên trong hai ngàn năm trăm đời thường làm Lực luân vương cai trị một châu. Đời này nếu không xuất gia vẫn được làm Lực luân vương đại tự tại”. Lúc đó các Bí-sô vẫn còn nghi nên thỉnh hỏi Phật: “Thế tôn, Bí-sô Nan-đà đã tạo nghiệp gì mà nay ở trong các đệ tử của Phật là khéo hộ căn môn bậc nhất?”, Phật bảo các Bí-sô: “đây là lực của phát nguyện, các thầy lắng nghe:

Trong thời Phật Ca-diếp ba, Nan-đà bỏ tục xuất gia, Thân giáo sư của vị ấy được Phật khen là khéo hộ căn môn bậc nhất. Vị này tuy trọn đời tu phạm hạnh nhưng vẫn không được chứng ngộ, nên khi sắp lâm chung phát nguyện: “nguyện đem thiện căn tu phạm hạnh này, ở đời vị lai lúc con người thọ trăm tuổi, có Phật Thích ca mâu ni ra đời đầy đủ mười hiệu, con sẽ được xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán, sẽ được vị Phật ấy khen là khéo hộ căn môn bậc nhất, giống như Thân giáo sư của con hiện giờ”.

Này các Bí-sô, do nguyện lực xưa kia nên nay ở trong giáo pháp của ta, Nan-đà là người khéo hộ căn môn bậc nhất trong các đệ tử. Này

các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thực thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thực thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập nghiệp trắng”.

